

Số: /2026/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày tháng năm 2026

Dự thảo

## NGHỊ QUYẾT

### **Ban hành Quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;*

*Xét Tờ trình số /TTr-HĐND ngày tháng năm 2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

- Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2026.
- Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 9 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐND ngày 9 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng

nhân dân tỉnh Nghệ An về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An ban hành kèm theo Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khoá XIX, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2026.*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ (để b/c);
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục KTVB) (để kiểm tra);
- TT Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc Hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Toà án nhân dân tỉnh; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- HĐND, UBND các phường, xã;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu VT.

**CHỦ TỊCH**

**Hoàng Nghĩa Hiếu**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động  
của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND)*

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định một số chế độ chi tiêu tài chính bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh (sau đây gọi tắt là HĐND tỉnh), Hội đồng nhân dân xã, phường (sau đây gọi tắt là HĐND cấp xã) trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

##### **2. Đối tượng áp dụng**

Nghị quyết này được áp dụng cho các đối tượng sau đây: Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND, Chủ tọa và Thư ký kỳ họp HĐND, đại biểu HĐND các cấp và các đối tượng khác phục vụ cho hoạt động của HĐND.

#### **Điều 2. Nguyên tắc chung**

1. Việc chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND phải sử dụng có hiệu quả trên cơ sở chế độ, định mức quy định tại Nghị quyết này và các quy định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, đáp ứng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2. Trường hợp các khoản chi có tính chất đột xuất cần thiết nhưng chưa được bố trí trong dự toán thì Thường trực HĐND tỉnh chuyển UBND tỉnh xem xét cân đối nguồn xử lý theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

3. Việc chi phục vụ cho các đoàn công tác của Thường trực HĐND, các Ban HĐND và các Tổ đại biểu HĐND do HĐND cấp triệu tập bảo đảm.

### **Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 3. Chi phục vụ kỳ họp HĐND**

| Nội dung                                                                                                                                                             | Đơn vị tính                                                                                      | Định mức  |           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|
|                                                                                                                                                                      |                                                                                                  | Cấp tỉnh  | Cấp xã    |
| 1. Chi xây dựng văn bản                                                                                                                                              |                                                                                                  |           |           |
| a) Báo cáo tổng hợp chung kết quả thảo luận tại các tổ                                                                                                               | đồng/báo cáo                                                                                     | 3.000.000 | 500.000   |
| b) Báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri trước, sau kỳ họp                                                                                                       | đồng/báo cáo                                                                                     | 1.000.000 | 300.000   |
| c) Báo cáo kết quả hoạt động 6 tháng, năm của Thường trực HĐND, các Ban HĐND                                                                                         | đồng/báo cáo                                                                                     | 1.000.000 | 400.000   |
| d) Báo cáo kết quả hoạt động nhiệm kỳ của Thường trực HĐND, các Ban HĐND                                                                                             | đồng/báo cáo                                                                                     | 2.000.000 | 1.000.000 |
| đ) Báo cáo thẩm tra, tổng hợp thẩm tra các báo cáo trình kỳ họp của Thường trực HĐND, các Ban HĐND (trừ các báo cáo thẩm tra đối với các văn bản quy phạm pháp luật) | đồng/báo cáo                                                                                     | 500.000   | 300.000   |
| e) Nhóm văn bản chính thức của Thường trực HĐND về chương trình kỳ họp, định hướng thảo luận, nội dung kết luận chất vấn, đề cương báo cáo kết quả kỳ họp            | đồng/nhóm văn bản                                                                                | 2.000.000 | 500.000   |
| 2. Chế độ bồi dưỡng                                                                                                                                                  |                                                                                                  |           |           |
| a) Chủ tọa kỳ họp                                                                                                                                                    | đồng/người/buổi                                                                                  | 500.000   | 200.000   |
| b) Thư ký kỳ họp                                                                                                                                                     | đồng/người/buổi                                                                                  | 300.000   | 100.000   |
| c) Ban kiểm phiếu (nếu có)                                                                                                                                           | đồng/người/buổi                                                                                  | 200.000   | 100.000   |
| 3. Chế độ ăn, nghỉ, giải khát giữa giờ                                                                                                                               |                                                                                                  |           |           |
| a) Chế độ ăn                                                                                                                                                         | Những người không có nhu cầu bố trí ăn thì được thanh toán bằng tiền theo ngày tham gia thực tế. |           |           |
| Đại biểu HĐND, khách mời, cán bộ, công chức, người lao động phục vụ trực tiếp                                                                                        | đồng/người/buổi                                                                                  | 250.000   | 100.000   |
| Phóng viên, lái xe, an ninh, công chức, người lao động phục vụ gián                                                                                                  | đồng/người/buổi                                                                                  | 200.000   | 80.000    |

|                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |         |         |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------|
| tiếp                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |         |         |
| b) Chế độ giải khát giữa giờ                                                                                                                                                                             | đồng/người/buổi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 50.000  | 50.000  |
| c) Chế độ nghỉ                                                                                                                                                                                           | Đại biểu HĐND, khách mời, lái xe ở xa về dự các kỳ họp HĐND được bố trí phòng nghỉ theo định mức quy định tại Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 20/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định một số mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND ngày 10/7/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 19/2017/NQ-HĐND. |         |         |
| 4. Chế độ hỗ trợ đi lại đối với đại biểu ngoài biên chế dự kỳ họp                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |         |         |
| a) Vùng núi                                                                                                                                                                                              | đồng/người/kỳ họp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 500.000 | 150.000 |
| b) Vùng đồng bằng                                                                                                                                                                                        | đồng/người/kỳ họp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 300.000 | 80.000  |
| 5. Chế độ hỗ trợ điện thoại đối với Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; cán bộ, công chức, người lao động thuộc Văn phòng HĐND - UBND cấp xã trực tiếp phục vụ kỳ họp                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |         |         |
| a) Lãnh đạo Văn phòng                                                                                                                                                                                    | đồng/người/kỳ họp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 500.000 | 100.000 |
| b) Công chức, người lao động phục vụ trực tiếp                                                                                                                                                           | đồng/người/kỳ họp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 300.000 | 80.000  |
| c) Công chức, người lao động phục vụ gián tiếp                                                                                                                                                           | đồng/người/kỳ họp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 200.000 | 50.000  |
| 6. Chế độ hỗ trợ đối với Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; cán bộ, công chức, người lao động thuộc Văn phòng HĐND - UBND cấp xã trực tiếp tham gia tổng hợp chung ý kiến thảo luận của các tổ tại kỳ họp |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |         |         |
| a) Lãnh đạo Văn phòng                                                                                                                                                                                    | đồng/người/kỳ họp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 500.000 | 100.000 |
| b) Bộ phận tổng hợp                                                                                                                                                                                      | đồng/người/kỳ họp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 300.000 | 50.000  |
| 7. Hỗ trợ họp ngoài giờ                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |         |         |
| Trường hợp kỳ họp HĐND tổ chức vào ngày nghỉ (thứ Bảy, Chủ nhật, ngày lễ): đại biểu HĐND; cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn ĐBQH và                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |         |         |

HĐND tỉnh; cán bộ, công chức, người lao động thuộc Văn phòng HĐND - UBND cấp xã trực tiếp phục vụ hoạt động của HĐND được hỗ trợ thêm tiền làm việc vào ngày nghỉ bằng định mức tiền ăn quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

**8. Chi xây dựng và hoàn thiện Nghị quyết của HĐND**

|                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                          |         |         |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------|
| a) Đối với Nghị quyết Quy phạm pháp luật                                                                                                                                                        | Thực hiện theo Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định mức phân bổ kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Nghệ An. |         |         |
| b) Chi hỗ trợ xây dựng, rà soát, chỉnh lý, hoàn thiện nội dung, thể thức và phát hành Nghị quyết cá biệt. (Riêng đối với Nghị quyết về nhân sự, áp dụng mức chi bằng $\frac{1}{2}$ mức chi bên) | đồng/nghị quyết                                                                                                                                                                                                                                                                          | 700.000 | 200.000 |

**Điều 4. Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị, giao ban, hội thảo, tập huấn của Thường trực, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND**

Chế độ, định mức chi bồi dưỡng, ăn, nghỉ, giải khát giữa giờ, hỗ trợ họp ngoài giờ: thực hiện như kỳ họp HĐND.

**Điều 5. Chi hỗ trợ hoạt động giám sát, khảo sát**

Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các thành phần tham gia và các đối tượng phục vụ đoàn giám sát, khảo sát được hỗ trợ như sau:

| Nội dung                                                                                              | Đơn vị tính     | Định mức  |         |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|---------|
|                                                                                                       |                 | Cấp tỉnh  | Cấp xã  |
| <b>1. Chi hỗ trợ đoàn giám sát, khảo sát của Thường trực, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND:</b> |                 |           |         |
| a) Chủ trì                                                                                            | đồng/người/buổi | 200.000   | 100.000 |
| b) Thành viên, thành phần mời tham gia, công chức, người lao động giúp việc của đoàn                  | đồng/người/buổi | 150.000   | 80.000  |
| c) Phóng viên, lái xe, phục vụ đoàn                                                                   | đồng/người/buổi | 70.000    | 30.000  |
| <b>2. Chi xây dựng các văn bản phục vụ Đoàn giám sát, khảo sát:</b>                                   |                 |           |         |
| a) Kế hoạch, đề cương giám sát, khảo sát                                                              | đồng/cuộc       | 1.000.000 | 300.000 |

|                                       |           |           |         |
|---------------------------------------|-----------|-----------|---------|
| b) Báo cáo kết quả giám sát, khảo sát | đồng/cuộc | 1.500.000 | 600.000 |
|---------------------------------------|-----------|-----------|---------|

**Điều 6. Chi hoạt động tiếp xúc cử tri**

| Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                    | Đơn vị tính                   | Định mức  |         |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------|---------|
|                                                                                                                                                                                                                                                             |                               | Cấp tỉnh  | Cấp xã  |
| 1. Hỗ trợ mỗi điểm tiếp xúc cử tri các chi phí cần thiết như: trang trí, hội trường, nước uống, bảo vệ và các khoản chi khác.<br>Trường hợp có sự phối hợp tiếp xúc cử tri của 2 cấp tại một điểm thì áp dụng mức chi của cấp cao hơn, do HĐND tỉnh chi trả | đồng/điểm/đợt tiếp xúc cử tri | 2.000.000 | 500.000 |
| 2. Chi hỗ trợ đại biểu tiếp xúc cử tri (ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định)                                                                                                                                                                 | đồng/đại biểu/năm             | 1.500.000 | 300.000 |

**Điều 7. Chi tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh**

Thực hiện theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức chi bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

**Điều 8. Chi hỗ trợ đại biểu HĐND hoạt động kiêm nhiệm**

Người nào kiêm nhiệm đồng thời nhiều chức danh cùng cấp thì chỉ được hưởng chức danh có mức hỗ trợ hoạt động kiêm nhiệm cao nhất.

| Nội dung             | Đơn vị tính | Định mức                                                                                                           |                                                                                                      |
|----------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                      |             | Cấp tỉnh                                                                                                           | Cấp xã                                                                                               |
| 1. Chủ tịch HĐND     |             | Thực hiện theo Thông tư 78/2005/BNV ngày 10/8/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp kiêm | Thực hiện theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức |
| 2. Phó Chủ tịch HĐND |             |                                                                                                                    |                                                                                                      |

|                                |                             |                                                                                                        |                                                                             |
|--------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
|                                |                             | nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan, đơn vị khác | cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, ở tổ dân phố |
| 3. Trưởng các Ban của HĐND     | mức lương cơ sở/người/tháng |                                                                                                        | 0,2                                                                         |
| 4. Phó Trưởng các Ban của HĐND | mức lương cơ sở/người/tháng | 0,3                                                                                                    | 0,1                                                                         |
| 5. Ủy viên các Ban của HĐND    | mức lương cơ sở/người/tháng | 0,2                                                                                                    | 0,05                                                                        |
| 6. Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND  | mức lương cơ sở/người/tháng | 0,1                                                                                                    | 0,025                                                                       |

**Điều 9. Chi hỗ trợ đối với đại biểu HĐND**

| Nội dung                                                                                                                          | Đơn vị tính                                                                                                                                                                                                   | Định mức  |           |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|
|                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                               | Cấp tỉnh  | Cấp xã    |
| 1. Chế độ báo chí                                                                                                                 | Thường trực HĐND cùng cấp quyết định                                                                                                                                                                          |           |           |
| 2. Tiền lương, hoạt động phí                                                                                                      | Thực hiện theo Điều 3, Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội                                                                                                       |           |           |
| 3. Tiền trang phục (lễ phục): Một nhiệm kỳ, đại biểu HĐND được cấp tiền may 02 bộ trang phục                                      | đồng/bộ                                                                                                                                                                                                       | 5.000.000 | 2.000.000 |
| 4. Hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe                                                                                                 | đồng/người/năm                                                                                                                                                                                                | 1.000.000 | 500.000   |
| 5. Trang cấp thiết bị                                                                                                             | Một nhiệm kỳ HĐND, đại biểu HĐND được trang cấp 01 máy vi tính xách tay hoặc 01 máy tính bảng kèm theo các phụ kiện và thiết bị kết nối internet. Mức chi tối đa áp dụng theo quy định hiện hành của Nhà nước |           |           |
| 6. Chi khoán cấp tài liệu (khai thác internet, ứng dụng chuyển đổi số, mua các loại tài liệu, báo chí phục vụ hoạt động đại biểu) | đồng/người/tháng                                                                                                                                                                                              | 1.000.000 | 200.000   |

|                                                                                                                   |                |           |         |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------|---------|
| 7. Nghiên cứu tài liệu (riêng đối với đại biểu hoạt động chuyên trách được thực hiện mức chi gấp đôi mức chi này) | đồng/người/năm | 1.000.000 | 300.000 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------|---------|

**Điều 10. Chế độ công tác phí và sử dụng xe ô tô phục vụ công tác**

|                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|--------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Chế độ công tác phí                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện theo Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND và Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND ngày 10/7/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 19/2017/NQ-HĐND. HĐND chỉ thanh toán công tác phí cho đại biểu đi giám sát, khảo sát hoặc thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của Thường trực, lãnh đạo các Ban HĐND.</li> <li>- Chế độ công tác phí của đại biểu HĐND đi tiếp xúc cử tri, tiếp công dân và thực hiện nhiệm vụ đại biểu do cơ quan nơi đại biểu HĐND công tác đưa vào dự toán kinh phí hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để chi trả.</li> </ul> |
| 2. Chế độ sử dụng xe ô tô phục vụ công tác | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan nơi đại biểu HĐND công tác.</li> <li>- Cơ quan nơi đại biểu HĐND công tác dự kiến chi phí sử dụng xe ô tô phục vụ hoạt động của đại biểu HĐND và đưa vào dự toán kinh phí hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để chi trả theo đúng quy định.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                         |

**Điều 11. Một số chế độ chi khác phục vụ hoạt động của HĐND**

| Nội dung                                                                                                                                                    | Đơn vị tính                          | Định mức  |         |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-----------|---------|
|                                                                                                                                                             |                                      | Cấp tỉnh  | Cấp xã  |
| 1. Thuê chuyên gia                                                                                                                                          | đồng/chuyên đề                       | 2.000.000 | 300.000 |
| 2. Công tác tham vấn ý kiến nhân dân; thông tin, tuyên truyền, học tập kinh nghiệm                                                                          | Thường trực HĐND cùng cấp quyết định |           |         |
| 3. Xây dựng văn bản                                                                                                                                         |                                      |           |         |
| Xây dựng các báo cáo phục vụ họp, hội nghị, giao ban, hội thảo của Thường trực HĐND, các ban HĐND; văn bản thẩm tra và cho ý kiến của Thường trực HĐND, các | đồng/văn bản                         | 500.000   | 200.000 |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                               |           |           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-----------|-----------|
| Ban HĐND đối với những vấn đề phát sinh giữa 2 kỳ họp                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                               |           |           |
| 4. Thăm hỏi, thăm viếng, trợ cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                               |           |           |
| a) Thăm hỏi đại biểu HĐND đương nhiệm, các vị nguyên là Thường trực, lãnh đạo các Ban của HĐND ốm đau                                                                                                                                                                                                                                  | đồng/người/lần                                                | 1.000.000 | 500.000   |
| b) Thăm viếng (kèm theo 01 vòng hoa)                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                               |           |           |
| Đại biểu HĐND đương nhiệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | đồng/người                                                    | 2.000.000 | 1.000.000 |
| Cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con của đại biểu HĐND đương nhiệm, các vị nguyên là Thường trực, lãnh đạo các Ban của HĐND                                                                                                                                                                                                 | đồng/người                                                    | 1.000.000 | 500.000   |
| c) Trợ cấp đại biểu HĐND đương nhiệm bị bệnh hiểm nghèo, đặc biệt khó khăn đột xuất (tối đa 2 lần/người/năm)                                                                                                                                                                                                                           | đồng/người/lần                                                | 3.000.000 | 1.000.000 |
| d) Trường hợp đặc biệt khác: Do Thường trực HĐND cùng cấp quyết định                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                               |           |           |
| 5. Tặng quà các đối tượng chính sách; các đơn vị nuôi dưỡng, điều dưỡng thương binh, bệnh binh, người có công, các đơn vị làm công tác chính sách; các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, có đóng góp đối với hoạt động của HĐND; các trường hợp gặp rủi ro, thiên tai và các trường hợp đối ngoại khác, mức chi tối đa như sau: |                                                               |           |           |
| a) Cá nhân                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | đồng/người                                                    | 2.000.000 | 500.000   |
| b) Tập thể                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | đồng/tập thể                                                  | 5.000.000 | 1.000.000 |
| 6. Tặng quà lưu niệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                               |           |           |
| a) Đại biểu HĐND khi nghỉ hưu hoặc chuyển công tác ra khỏi địa phương mà mình là đại biểu                                                                                                                                                                                                                                              | đồng/người                                                    | 2.000.000 | 1.000.000 |
| b) Kết thúc nhiệm kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đối tượng và quà tặng do Thường trực HĐND cùng cấp quyết định |           |           |
| 7. Đối với Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh (không bao gồm đại biểu HĐND tỉnh); cán bộ, công chức, người lao động thuộc Văn phòng HĐND - UBND cấp xã trực tiếp phục vụ hoạt động của HĐND (không bao gồm đại biểu HĐND cấp xã)                                                                                                         |                                                               |           |           |
| a) Thăm hỏi, thăm viếng, trợ cấp,                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Áp dụng như đối với đại biểu HĐND                             |           |           |

|                                                                                                                     |                                                                                                                                       |           |           |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|
| tặng quà                                                                                                            |                                                                                                                                       |           |           |
| b) Trang phục: mỗi nhiệm kỳ, cán bộ công chức người lao động được cấp tiền may 02 bộ trang phục                     | đồng/bộ                                                                                                                               | 3.000.000 | 1.500.000 |
| c) Khoán cấp tài liệu (khai thác internet, ứng dụng chuyển đổi số, mua các loại tài liệu phục vụ công tác tham mưu) |                                                                                                                                       |           |           |
| Lãnh đạo Văn phòng                                                                                                  | đồng/người/tháng                                                                                                                      | 700.000   | 150.000   |
| Công chức, người lao động phục vụ trực tiếp HĐND                                                                    | đồng/người/tháng                                                                                                                      | 500.000   | 100.000   |
| Công chức, người lao động phục vụ gián tiếp HĐND                                                                    | đồng/người/tháng                                                                                                                      | 300.000   | 50.000    |
| d) Khoán nghiên cứu tài liệu                                                                                        |                                                                                                                                       |           |           |
| Lãnh đạo Văn phòng                                                                                                  | đồng/người/tháng                                                                                                                      | 700.000   | 150.000   |
| Công chức, người lao động trực tiếp tham mưu giúp việc HĐND                                                         | đồng/người/tháng                                                                                                                      | 500.000   | 100.000   |
| đ) Trang cấp thiết bị                                                                                               | Đối tượng và thiết bị trang cấp do Thường trực HĐND cùng cấp quyết định. Mức chi tối đa áp dụng theo quy định hiện hành của nhà nước. |           |           |

### **Chương III**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 13.** Kinh phí thực hiện chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của HĐND các cấp được bố trí trong dự toán thu, chi ngân sách nhà nước của địa phương hàng năm theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước.

**Điều 14.** Các khoản chi không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo chế độ, định mức hiện hành của Nhà nước hoặc theo phê duyệt của Thường trực HĐND tỉnh. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó./.